

**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**I. Mô tả chương trình đào tạo**

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (tiếng Anh)	English studies
Mã số ngành đào tạo	7220201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4);</li><li>- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);</li><li>- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.</li></ul>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Điều phối viên dự án trong các tập đoàn đa quốc gia, công ty trong nước và quốc tế, dự án chính phủ và phi chính phủ.</li><li>- Trợ lý giám đốc, thư ký hành chính, người quản lý bộ phận tiếp thị, bộ phận kinh doanh, bộ phận nhân sự tại công ty tư nhân và nhà nước.</li><li>- Lễ tân tại các khách sạn, hướng dẫn viên tại các công ty du lịch.</li><li>- Thư ký hành chính trong các cơ quan đối ngoại.</li><li>- Phóng viên cho các cơ quan thông tấn báo chí ở trung ương, khu vực và địa phương.</li><li>- Biên tập viên/ trợ lý biên tập cho các nhà xuất bản.</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người thuyết minh hướng dẫn tại các viện bảo tàng</li> <li>- Phiên dịch viên và biên dịch viên tại các công ty dịch thuật</li> <li>- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu về ngôn ngữ học, văn hóa và văn chương hoặc tại các trường đại học.</li> </ul> <p>Người viết lời quảng cáo cho các sản phẩm, dịch vụ, viết thư ngỏ gây quỹ hoặc giới thiệu sản phẩm/dịch vụ cho khu vực công và tư nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn viên về nghề nghiệp, du học tại các trường đại học, tư vấn về xuất nhập cảnh tại các văn phòng luật sư.</li> <li>- Giáo viên giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục và trung tâm ngoại ngữ (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và các yêu cầu theo quy định hiện hành)</li> </ul>
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng học tập suốt đời;</li> <li>- Có kiến thức và kỹ năng học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ ở các bậc cao học các chuyên ngành: ngôn ngữ học tiếng Anh, ngôn ngữ học ứng dụng, lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, giao tiếp đa văn hóa, Hoa Kỳ học, Văn chương Anh – Mỹ, Quan hệ quốc tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.</li> </ul>
Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình đào tạo Cử nhân ngôn ngữ và ngôn ngữ học tiếng Anh (Bachelor of English language and Linguistics) của Trường Đại học Malaya, Malaysia</li> <li>- Chương trình đào tạo Cử nhân ngôn ngữ và Văn chương tiếng Anh (Bachelor of English language and Linguistics) của Trường Đại học Quốc Gia Incheon, Hàn Quốc</li> </ul>
Thời gian cập nhật bản mô tả	6/2020

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Ngôn ngữ Anh trình độ đại học đào tạo những cử nhân có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh đáp ứng khung trình độ quốc gia; có khả năng làm việc hiệu quả trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng các quy định hiện hành; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi, năng lực nghiên cứu khoa học và sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học:

a. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; năng lực tiếng Anh đáp ứng Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

b. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, năng lực ngoại ngữ thứ hai và năng lực công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

c. Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;

d. Đào tạo sinh viên viên có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn và các năng lực ngôn ngữ đã được đào tạo; có năng lực học tập sau đại học ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành có liên quan.

### **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hoàn thành chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

#### **3.1. Kiến thức**

##### **3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước;

b. Nắm vững và vận dụng được kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Pháp được quy định cho bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.

##### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Nắm vững và vận dụng được kiến thức lý thuyết về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Anh được quy định cho bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

b. Am hiểu kiến thức thực tế về việc vận dụng các kỹ năng tiếng Anh cụ thể về nghe (nghe hiểu các bài trình bày, hội thoại, thông báo, chỉ dẫn, phương tiện truyền thông,...), nói (đọc thoại, hội thoại, giao dịch và phỏng vấn,...), đọc (đọc lấy thông tin và lập luận, xử lý văn bản,...) và viết (viết sản sinh và tương tác, xử lý thông tin, văn bản,...) vào việc học tập, giao tiếp và nghiên cứu, thi lấy các chứng chỉ năng lực tiếng Anh; kiến thức lý thuyết và thực tế về viết báo cáo khoa học và các văn bản mang tính học thuật khác bằng tiếng Anh;

c. Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát tiến trình học tập của bản thân, kiến thức về việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu và kiến thức hỗ trợ trong tiến trình học tập và trong thực tiễn công việc; kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

##### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Vận dụng kiến thức lý thuyết về các nguyên lý thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ tiếng Anh; kiến thức lý thuyết khái quát về giao tiếp tiếng Anh, văn chương Anh Mỹ, giao tiếp đa văn hóa, phương pháp dạy học tiếng Anh, tiếng Anh dùng trong các lĩnh vực thương mại và du lịch;

b. Nắm vững và vận dụng được kiến thức lý thuyết và thực tế về việc vận dụng kỹ năng tiếng Anh bậc cao cấp và ngôn ngữ tiếng Anh trong nghiên cứu, trao đổi và thực hành các hoạt động thuyết trình, báo cáo, dịch thuật, viết học thuật và văn chương, văn hóa;

c. Nắm vững kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, cách xử lý và diễn dịch số liệu thống kê phục vụ công tác nghiên cứu khoa học xã hội.

#### **3.2. Kỹ năng**

##### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

a. Sử dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh tương đương bậc 5 và những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam một cách linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn;

b. Hình thành, tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường hoạt động chuyên môn không xác định hoặc thay đổi;

c. Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm làm việc chuyên môn; những kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp về ngôn ngữ và lĩnh vực liên quan.

##### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

a. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp;

b. Ứng dụng kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán, và dẫn dắt vào tiến trình học tập và làm việc;

c. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa; phát triển được kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

d. Ứng dụng các kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

### 3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Hình thành ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị đạo đức, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân; tôn trọng và chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý; biết xem xét, tôn trọng và chấp nhận các quan điểm khác biệt;

b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi; thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi; có thái độ cầu tiến và vượt khó; có phương pháp tiếp cận và phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp;

c. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đã xác định;

d. Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn làm việc; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;

đ. Thực hành học tập suốt đời; chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân; luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử và xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp và hiệu quả.

### 4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

### 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

#### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)																		
	Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)								Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)				
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)							
a	b	a	b	c	a	b	c	a	B	c	a	b	c	d	a	b	c	d	đ
1.2a		X	X	X		X	X		X										
1.2b		X													X				
1.2c					X						X	X	X	X		X			
1.2d	X						X		X	X							X	X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)								Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)				
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)				Kỹ năng mềm (2.2.2)								
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	đ		
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>																								
1.	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X																X				X	
2.	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X																X				X	
3.	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X																X				X	
4.	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X																X				X	
5.	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	X																X				X	
6.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)		X						X											X	X		
7.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)		X						X											X	X		
8.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)		X						X											X	X		
9.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)		X						X											X	X		
10.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)		X						X											X	X		
11.	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)		X						X											X	X		
12.	TN033	Tin học căn bản (*)		X						X							X						X	
13.	TN034	TT.Tin học căn bản (*)		X						X							X			X			X	
14.	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	X															X					X	
15.	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	X															X					X	
16.	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X															X					X	
17.	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	X															X					X	
18.	KL001	Pháp luật đại cương	X															X					X	
19.	ML007	Logic học đại cương	X																			X	X	
20.	XH028	Xã hội học đại cương	X																			X	X	
21.	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X																			X	X	

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																						
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)								Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)					
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)										
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	đ			
22.	XH012	Tiếng Việt thực hành	X																			X	X		
23.	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	X																			X	X		
24.	KN001	Kỹ năng mềm	X											X	X	X						X	X		
25.	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	X											X			X					X	X		
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																									
26.	FL219	Nghe Nói B1				X								X								X	X		
27.	FL205	Đọc Viết B1				X								X								X	X		
28.	FL220	Nghe Nói B2.1				X								X								X	X		
29.	FL206	Đọc Viết B2.1				X								X								X	X		
30.	FL221	Nghe Nói B2.2				X								X								X	X		
31.	FL207	Đọc Viết B2.2				X								X								X	X		
32.	FL222	Nghe Nói C1.1				X					X			X								X	X		
33.	FL208	Đọc Viết C1.1				X					X			X								X	X		
34.	SG279	Ngữ pháp căn bản				X																X	X		
35.	SG280	Ngữ pháp trung cấp				X																X	X		
36.	SG281	Ngữ pháp nâng cao				X																X	X		
37.	SG282	Ngữ âm thực hành căn bản				X																X	X		
38.	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao				X																X	X		
39.	FL215	Kỹ năng thuyết trình						X				X										X	X		
40.	FL262	Viết C1.2						X				X										X	X		
41.	SG277	Viết báo cáo khoa học						X			X											X	X		
42.	FL209	Đọc C1.2						X				X										X	X		
43.	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phân biện						X				X		X								X	X		
44.	FL223	Nghe Nói C1.2						X				X										X	X		
45.	FL225	Nghe Nói C1.3						X				X	X									X	X		
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>																									
46.	SP466	Nói trước công chúng												X								X	X		
47.	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn									X											X	X		
48.	XH465	Lý thuyết dịch																				X	X		
49.	XN332	Thực tế ngoài trường – Anh văn							X					X								X	X		
50.	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn							X					X								X	X		

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																				
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)					
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)								
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	đ	
51.	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ						X			X									X	X		
52.	XH478	Dẫn luận văn chương						X			X									X	X		
53.	XH537	Ngôn ngữ học đối chiếu						X			X				X	X		X	X				
54.	XH536	Ngữ nghĩa và ngữ dụng học						X			X												
55.	XH455	Âm vị học						X			X												
56.	FL212	Giao tiếp liên văn hóa						X			X				X	X		X	X				
57.	XH540	Phê bình văn học đại cương						X			X	X			X	X		X	X				
58.	XH535	Từ pháp và cú pháp học						X			X												
59.	XH464	Phân tích điển ngôn						X			X				X	X		X	X				
60.	SG201	Văn hóa các nước nói tiếng Anh						X			X				X	X		X	X				
61.	XH334	Văn học Anh Mỹ						X			X				X	X		X	X				
62.	FL245	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai – Anh văn						X			X				X	X		X	X				
63.	FL260	Văn học và điện ảnh						X			X				X	X		X	X				
64.	FL249	Tiếng Anh kinh doanh						X			X				X	X		X	X				
65.	FL248	Tiếng Anh du lịch						X			X				X	X		X	X				
66.	FL251	Tiếng Anh nhà hàng khách sạn						X			X				X	X		X	X				
67.	FL250	Tiếng Anh marketing						X			X				X	X		X	X				
68.	FL252	Tiếng Anh thư tín thương mại và văn phòng						X			X				X	X		X	X				
69.	XH499	Luận văn tốt nghiệp							X	X		X								X	X		
70.	XH498	Tiểu luận tốt nghiệp							X	X		X								X	X		
71.	FL259	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh						X			X	X								X	X	X	

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																			
			Kiến thức (2.1)									Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)				
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)							
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	đ		
72.	FL247	Tiếng Anh định hướng nghề nghiệp						X				X		X						X	X	
73.	XN320	Biên dịch kỹ thuật						X				X		X						X	X	
74.	XN321	Biên dịch báo chí						X				X		X						X	X	
75.	FL202	Biên dịch văn học điện ảnh						X				X		X						X	X	

## II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 37 tín chỉ (Bắt buộc: 33 tín chỉ; Tự chọn: 4 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 61 tín chỉ (Bắt buộc: 49 tín chỉ; Tự chọn: 12 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1 + 2 + 3 (*)	1 +1+1		3		90			I, II, III
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I, II, III
7	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004		I, II, III
8	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		XH005		I, II, III



9	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4		10	60				I, II, III
10	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004		I, II, III
11	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL005		I, II, III
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I, II, III
13	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60			I, II, III
14	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30				I, II, III
15	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009		I, II, III
16	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010		I, II, III
17	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006		I, II, III
18	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I, II, III
19	ML007	Logic học đại cương	2			30				I, II, III
20	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
21	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		2	30				I, II, III
22	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I, II, III
23	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I, II, III
24	KN001	Kỹ năng mềm	2			30				I, II, III
25	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I, II, III
<b>Cộng: 38 TC (Bắt buộc: 23 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>										
<b>Khởi kiến thức Cơ sở ngành</b>										
26	FL219	Nghe - Nói B1	3	3		15	60			I, II
27	FL205	Đọc - Viết B1	3	3		15	60			I, II
28	FL220	Nghe - Nói B2.1	3	3		15	60	FL219		I, II
29	FL206	Đọc - Viết B2.1	3	3		15	60	FL205		I, II
30	FL221	Nghe - Nói B2.2	3	3		15	60	FL220		I, II
31	FL207	Đọc - Viết B2.2	3	3		15	60	FL206		I, II
32	FL222	Nghe - Nói C1.1	3	3		15	60	FL221		I, II
33	FL208	Đọc - Viết C1.1	3	3		15	60	FL207		I, II
34	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	2			60			I, II
35	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60	SG279		I, II
36	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	SG280		I, II
37	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	2			60			I, II
38	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	2			60	SG282		I, II
39	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	2			60			I, II
40	FL262	Viết C1.2	2	2			60	FL208		I, II

41	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	2		60	FL262		I, II
42	FL209	Đọc C1.2	2	2		60	FL208		I, II
43	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phản biện	2	2		60	FL209		I, II
44	FL223	Nghe - Nói C1.2	2	2		60	FL222		I, II
45	FL225	Nghe - Nói C1.3	2	2		60	FL223		I, II
<b>Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>									
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>									
Khối kiến thức chuyên ngành nền tảng									
46	SP466	Nói trước công chúng	2	2		60			
47	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn	2	2		60			I, II
48	XH465	Lý thuyết dịch	2	2	30				I, II
49	XN332	Thực tế ngoài trường – Anh văn	2	2		60	≥ 105 TC		III
50	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn	2	2		60	≥ 105 TC		III
51	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ	3	3	45				I, II
52	XH478	Dẫn luận văn chương	3	3	45				I, II
53	XH537	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	2	30		XH383		I, II
54	XH536	Ngữ nghĩa và ngữ dụng học	3	3	45		XH383		I, II
55	XH455	Âm vị học	2	2	30		XH383		I, II
56	FL212	Giao tiếp đa văn hóa	3	3	45				I, II
57	XH540	Phê bình văn học đại cương	3	3			XH478		
Khối kiến thức chuyên ngành cụ thể (chọn 1 định hướng)									
Định hướng 1: Chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng									
58	XH535	Từ pháp và cú pháp học	3	3	45		XH383		I, II
59	XH464	Phân tích diễn ngôn	2	2	30		XH383		I, II
60	SG201	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	3	45				I, II
61	XH334	Văn học Anh Mỹ	3	3	45				I, II
62	FL245	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai – Anh văn	3	3	45		XH383		
63	FL260	Văn học và điện ảnh	2	2	30				
Định hướng 2: Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại – dịch vụ									
64	FL249	Tiếng Anh kinh doanh	3	3	45				
65	FL248	Tiếng Anh du lịch	3	3	45				I, II
66	FL251	Tiếng Anh nhà hàng khách sạn	2	2	30				I, II
67	FL250	Tiếng Anh marketing	3	3	30				I, II
68	FL252	Tiếng Anh thư tín thương mại và văn phòng	3	3	45				

Các học phần tốt nghiệp									
69	XH499	Luận văn tốt nghiệp	10	10					I, II
70	XH498	Tiêu luận tốt nghiệp	4						I, II
71	FL259	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	3		45				I, II
72	FL247	Tiếng Anh định hướng nghề nghiệp	3		45				I, II
73	XN320	Biên dịch kỹ thuật	2			90			I, II
74	XN321	Biên dịch báo chí	3			90			I, II
75	FL202	Biên dịch văn học điện ảnh	2			90			I, II
<b>Cộng: 54 TC (Bắt buộc: 54; Tự chọn: 10)</b>									
<b>Tổng cộng: 139TC-141TC (Bắt buộc: 113TC - 115 TC; Tự chọn: 25 TC)</b>									

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

### 3. Kế hoạch dạy học

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
<b>NĂM THỨ 1, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 1/10)</b>								
1	QP006	GD quốc phòng & an ninh 1 (*)	2	2		37	8	
2	QP007	GD quốc phòng & an ninh 2 (*)	2	2		22	8	
3	QP008	GD quốc phòng & an ninh 3 (*)	3	3		14	16	
4	QP009	GD quốc phòng & an ninh 4 (*)	1	1		4	56	
5	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	2			60	
6	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	2			60	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>12</b>	<b>12</b>				
<b>NĂM THỨ 1, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 2/10)</b>								
1	FL205	Đọc viết B1	3	3		15	60	
2	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60	SG279
3	FL219	Nghe nói B1	3	3		15	60	
4	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	2			60	SG282
5	ML014	Triết học Mác Lênin	3	3		45		
6	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	2			60	
7	TC100	GD thể chất 1 (*)	1		1		30	
8	ML007	Logic học đại cương	2		2	30		
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30		
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30		
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30		
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30		
	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20	
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18</b>	<b>15</b>	<b>3</b>			

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
<b>NĂM THỨ 2, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 3/10)</b>								
1	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15		
2	FL220	Nghe nói B2.1	3	3		15	60	FL219
3	FL206	Đọc viết B2.1	3	3		15	60	FL205
4	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	SG280
5	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
6	FL001	Pháp văn căn bản I (*)	4		4	60		
7	ML016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30		ML014
8	TC100	GD thể chất 2 (*)	1		1		30	TC100
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18</b>	<b>13</b>	<b>5</b>			
<b>NĂM THỨ 2, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 4/10)</b>								
1	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	TN033
1	FL221	Nghe nói B2.2	3	3		15	60	FL220
2	FL207	Đọc viết B2.2	3	3		16	60	FL206
3	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3		3	45		FL001
4	TC100	GD thể chất 3 (*)	1		1		30	TC100
5	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016
6	XH478	Dẫn luận văn chương	3	3		45		
7	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn	3	3		45		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>20</b>					
<b>NĂM THỨ 2, HỌC KỲ HÈ (HỌC KỲ THỨ 5/10)</b>								
1	XN332	Thực tế ngoài trường	2	2			60	≥65TC
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2</b>					

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
<b>NĂM THỨ 3, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 6/10)</b>								
1	FL222	Nghe nói C1.1	3	3		15	60	FL221
2	FL208	Đọc viết C1.1	3	3		15	60	FL207
3	XH455	Âm vị học	2	2		30		XH383
4	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh Văn	2	2			60	
5	XH540	Phê bình văn học đại cương	3	3		45		XH478
6	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3		3	45		FL002
7	ML019	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		30		ML018
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18</b>					
<b>NĂM THỨ 3, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 7/10)</b>								
1	FL223	Nghe nói C1.2	2	2			60	FL222
2	FL209	Đọc C1.2	2	2			60	FL208
3	FL262	Viết C1.2	2	2			60	FL208
4	XH536	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học	3	3		45		XH383
5	FL212	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		45		FL221
<b>Định Hướng Nghề Nghiệp – Khối Ngôn ngữ - Văn hóa – Giảng dạy tiếng Anh (N1)</b>								
6	XH535	Từ pháp học và cú pháp học	3		3	45		XH383
7	FL245	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai – Anh văn	3		3	45		XH383
<b>Định Hướng Nghề Nghiệp – Khối Kinh doanh, Dịch vụ, Du lịch, Văn phòng (N2)</b>								
6	FL248	Tiếng Anh du lịch	3		3	45		
7	FL252	Tiếng Anh thư tín thương mại và văn phòng	3		3	45		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
<b>NĂM THỨ 3, HỌC KỲ HÈ (HỌC KỲ THỨ 8/10)</b>								
1	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn	2	2			60	XN332
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2</b>					

TT	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
<b>NĂM THỨ 4, HỌC KỲ I (HỌC KỲ THỨ 9/10)</b>								
1	FL225	Nghe nói C1.3	2	2			60	FL223
2	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	2			60	FL262
3	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phân biện	2	2			60	FL209
4	XH465	Lý thuyết dịch	2	2		30		
<b>Định Hướng Nghề Nghiệp – Khối Ngôn ngữ - Văn hóa – Giảng dạy tiếng Anh (N1)</b>								
5	XH464	Phân tích điển ngôn	2		2	30		XH383
6	XN334	Văn học Anh-Mỹ	3		3	45		
7	FL260	Văn học và điện ảnh	2		2	30		
8	SG201	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	2		2	30		
<b>Định Hướng Nghề Nghiệp – Khối Kinh doanh, Dịch vụ, Du lịch, Văn phòng (N2)</b>								
5	FL249	Tiếng Anh kinh doanh	3		3	45		
6	FL251	Tiếng Anh nhà hàng khách sạn	3		3	45		
7	FL250	Tiếng Anh marketing	3		3	45		
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17</b>					
<b>NĂM THỨ 4, HỌC KỲ II (HỌC KỲ THỨ 10/10)</b>								
1	SP466	Nói trước công chúng	2	2			60	FL215
2	XH537	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	2		30		XH383
3	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019
<b>Hướng làm luận văn tốt nghiệp</b>								
4	XH499	Luận văn tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh	10		10		300	
<b>Hướng làm tiểu luận tốt nghiệp &amp; Học các học phần thay thế</b>								
4	XH498	Tiểu luận tốt nghiệp	4		10		120	
5	FL259	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	3				45	
6	FL247	Tiếng Anh định hướng nghề nghiệp	3				45	
7	XN320	Biên dịch kỹ thuật	3				90	
8	XN321	Biên dịch báo chí	3				90	
9	FL202	Biên dịch văn học điện ảnh	2				60	
		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16</b>					

Ghi chú:

- (\*) HP điều kiện, không tính điểm TB tích lũy
- Tên học phần Giáo dục thể chất mang hình thức tượng trưng, thực tế khi đăng ký sinh viên chọn nhóm học phần thể chất cụ thể (VD: bóng bàn/ bóng chuyền/Taekwondo/... ) để đăng ký.
- Năm thứ 4, học kỳ II: sinh viên lựa chọn 1 trong 2 hướng làm luận văn hoặc làm tiểu luận & các học phần thay thế. Trong trường hợp chọn hướng làm tiểu luận & học các học phần thay thế, sinh viên chỉ cần chọn đủ 10 tín chỉ để đăng ký.

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
----	----------	--------------	------------	------------------------	---------------------------

1	QP010	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	2	Học phần này đề cập đến những lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Giới thiệu về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	Giới thiệu những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiêu liên AK và luyện tập bắn súng AK, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiêu liên AK, rèn luyện sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1 + 2 + 3 (*)	4	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất

6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình Pháp văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	4	Chương trình Pháp văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
10	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế	Khoa Ngoại ngữ



				với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
11	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	TN033	Tin học căn bản (*)	3	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học tự nhiên
13	TN034	TT. Tin học căn bản	3	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học tự nhiên
14	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	1	Học phần trình bày những nội dung cơ bản sau: - Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Phép biện chứng duy vật - Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Khoa Khoa học Chính trị
15	ML010	Những	2	Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-	Khoa Khoa

		nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2		Lênin 2 giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Điều kiện ra đời đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa; hàng hóa; tiền tệ; quy luật giá trị; Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư; tiền công trong chủ nghĩa tư bản; sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – tích lũy tư bản; quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư; các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; Chủ nghĩa tư bản độc quyền; chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện của nó; vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cách mạng xã hội chủ nghĩa; hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo; Chủ nghĩa xã hội hiện thực; sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội xô viết và nguyên nhân của nó; triển vọng của chủ nghĩa xã hội.	học Chính trị
16	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Ngoại ngữ
17	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Nội dung học phần trình bày về đường lối của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay. Qua đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	Khoa Khoa học Chính trị
18	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ	Khoa Luật

				bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
19	ML007	Logic học đại cương	3	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Ngoại ngữ
20	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Ngoại ngữ
21	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Ngoại ngữ
22	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Ngoại ngữ
23	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Ngoại ngữ
24	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học, kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về các giao tiếp, các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng tìm việc và phỏng vấn tuyển dụng	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
25	KN002	Đổi mới sáng tạo và	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng	Trung tâm tư vấn, hỗ

		khởi nghiệp		khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa và rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	trợ và khởi nghiệp sinh viên
26	FL219	Nghe - Nói B1	2	Học phần xây dựng phát triển kỹ năng nghe - nói cho những sinh viên học ngoại ngữ tiếng Anh muốn đạt sự thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp, mở rộng vốn từ vựng/kiến thức/kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên về các chủ đề trong phạm vi môn học và xây dựng và phát triển khả năng nghe - nói hỗ trợ sinh viên đạt bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
27	FL205	Đọc - Viết B1	2	Cung cấp cho sinh viên cơ hội để học và thực hành các kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết câu, viết đoạn. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học, xây dựng và phát triển khả năng đọc - viết giúp sinh viên đạt bậc 3 (B1) theo KNLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
28	FL220	Nghe - Nói B2.1	2	Xây dựng phát triển kỹ năng nghe - nói cho những sinh viên học ngoại ngữ tiếng Anh muốn đạt sự thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp, mở rộng vốn từ vựng/kiến thức/kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên về các chủ đề trong phạm vi môn học và xây dựng và phát triển khả năng nghe - nói hỗ trợ sinh viên đạt bậc 4.1 (B4.1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
29	FL206	Đọc - Viết B2.1	3	Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội và kỹ năng viết luận kết hợp với sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đạt được kỹ năng đọc viết tương đương trình độ B2 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam, hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	Khoa Ngoại ngữ
30	FL221	Nghe - Nói B2.2	2	Trong môn học này, sinh viên sẽ tập trung vào 10 chủ đề từ giáo trình Q: Skills for Success – Listening and Speaking, cấp độ 3 (NXB Oxford). Mỗi bài học tích hợp các kỹ năng nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho việc chia sẻ kinh nghiệm cá nhân, trình bày quan điểm cá nhân, đàm thoại và thuyết trình trong môn học. Các chủ đề nghe và nói xoay quanh các vấn đề có liên quan đến bản thân người học và môi trường xung quanh người học. Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ

31	FL207	Đọc - Viết B2.2	2	Cung cấp cho sinh viên cơ hội để học và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp xã hội và kỹ năng viết đoạn, viết luận. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học và xây dựng và phát triển khả năng đọc – viết giúp sinh viên đạt bậc 4 (B2) theo KNLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
32	FL222	Nghe - Nói C1.1	1	Trong môn học này, sinh viên sẽ tập trung vào 10 chủ đề từ giáo trình Q: Skills for Success – Listening and Speaking, cấp độ 4 (NXB Oxford). Mỗi bài học tích hợp các kỹ năng nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho việc trình bày quan điểm cá nhân, giao tiếp và thuyết trình. Các chủ đề nghe và nói xoay quanh các vấn đề kinh tế, môi trường, sức khỏe, tâm lý và nghệ thuật. Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
33	FL208	Đọc - Viết C1.1	2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội và kỹ năng viết luận kết hợp với sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đạt được kỹ năng đọc viết tương đương trình độ C1 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam và hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	Khoa Ngoại ngữ
34	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	Ở học phần Ngữ pháp căn bản, người học sẽ ôn tập, bổ sung, và hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan tới 8 từ loại trong tiếng Anh gồm động từ, danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, giới từ, liên từ, và thán từ. Ngoài ra, người học cũng học về 5 mẫu câu cơ bản và ôn lại 4 kiểu câu theo chức năng gồm câu trần thuật, câu nghi vấn, câu yêu cầu và câu cảm thán.	Khoa Ngoại ngữ
35	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	Ở học phần Ngữ pháp trung cấp, người học sẽ ôn tập, bổ sung, và hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan tới được các cụm từ trong tiếng Anh được phân loại theo cấu trúc và theo chức năng; các loại mệnh đề; 4 loại câu phân loại theo cấu trúc; và 4 loại lỗi câu thường gặp trong khi viết gồm câu chứa cấu trúc không tương đồng, cụm từ bỏ nghĩa đặt sai vị trí hoặc bỏ nghĩa không đúng đối tượng, câu chưa hoàn chỉnh, và câu dài lê thê.	Khoa Ngoại ngữ
36	SG281	Ngữ pháp nâng cao	1	Học phần Ngữ Pháp Nâng Cao cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các dạng biến đổi câu, các cách diễn giải cụm từ và câu bằng nhiều cách khác nhau nhưng có cùng một nội dung. Từ đó sinh viên có thể vận dụng thành thạo kiến thức đạt được từ học phần Ngữ pháp nâng cao vào kỹ năng viết, kỹ năng nói, hoặc thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên còn phải biết cách tổ chức, sắp xếp, phân công công việc khoa học khi làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, cũng như trình bày trước lớp một số chủ điểm ngữ pháp có liên quan.	Khoa Ngoại ngữ

37	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	Ngữ âm thực 1 nhằm rèn luyện cho người học phát âm đúng các âm trong tiếng Anh và tăng cường khả năng phát âm chính xác trôi chảy trong đàm thoại. Học phần này trang bị kiến thức về nguyên âm và phụ âm, phát âm đúng từ với âm tiết nhấn và không nhấn, ngữ điệu cơ bản trong tiếng Anh. Học phần Ngữ âm này được thiết kế trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, với sự hướng dẫn của giáo viên, phát huy sự tự học và rèn luyện ngoài lớp học.	Khoa Ngoại ngữ
38	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	Học phần ngữ âm nâng cao cung cấp kiến thức phân biệt các đặc điểm ngữ âm trong lời nói tự nhiên, cách xác định điểm dừng / ngắt nhịp trong lời nói và kiến thức và thực hành các kỹ thuật luyện âm, ngữ điệu cấp độ cụm từ và câu. Học phần Ngữ âm nâng cao được thiết kế trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, với sự hướng dẫn của giáo viên, phát huy sự tự học và rèn luyện ngoài lớp học.	Khoa Ngoại ngữ
39	FL215	Kỹ năng thuyết trình	2	Môn học này bao gồm 8 chương được chọn lọc từ giáo trình Successful Presentations và bổ sung thêm từ một số nguồn khác. Mỗi chương trong chương trình từng bước giúp sinh viên hoạch định, phát triển và thực hiện các bài thuyết trình và rèn luyện các kỹ năng thuyết trình cần thiết cho môi trường học thuật trong suốt thời gian theo học chương trình cũng như phục vụ cho nhu cầu thuyết trình trong công việc tương lai. Mỗi bài dạy kết hợp giữa việc cung cấp lý thuyết, ngôn ngữ chức năng cho các phần thuyết trình cùng với việc thực hành liên tục trên lớp.	Khoa Ngoại ngữ
40	FL262	Viết C1.2	2	Nội dung chính của học phần nhằm phát huy kỹ năng viết thư giới thiệu bản thân để xin việc hoặc xin học bổng, viết lý lịch, viết mô tả biểu bảng.	Khoa Ngoại ngữ
41	SG277	Viết báo cáo khoa học	3	Nội dung chính của học phần nhằm phát huy kỹ năng viết tóm tắt và viết phê bình các bài báo khoa học/sách khoa học thuộc chuyên ngành của sinh viên. Mục đích cụ thể của học phần này nhằm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cung cấp cho sinh viên ngôn ngữ và phong cách viết học thuật phù hợp với thể loại bài viết khoa học: tóm tắt (critical summary), và bài tổng quan tài liệu về một chủ đề chuyên ngành (critical literature review).</li> <li>• Hướng dẫn sinh viên so sánh, tổng hợp, đánh giá tài liệu, bài báo khoa học và phát triển năng lực viết luận tư duy phê bình.</li> <li>• Hướng dẫn sinh viên cách tìm tài liệu/bài báo khoa học và trích dẫn tài liệu/bài báo.</li> </ul>	Khoa Ngoại ngữ
42	FL209	Đọc C1.2	2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội để đạt được kỹ năng đọc tương đương trình độ 1 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam và hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm	Khoa Ngoại ngữ

				việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	
43	FL211	Đọc phát triển kỹ năng phân biện	1	Học phần Đọc phát triển kỹ năng phân biện giúp sinh viên mở rộng kiến thức và kỹ năng tư duy phê phán hoặc phân biện. Thông qua học phần, sinh viên có thể phát triển khả năng đánh giá thông tin tiếp nhận, trình bày thông tin và lập luận có tính khoa học, thể hiện thái độ khách quan đối với các vấn đề đời sống, xã hội.	Khoa Ngoại ngữ
44	FL223	Nghe - Nói C1.2	2	Trong môn học này, sinh viên sẽ tập trung vào 08 chủ đề được chọn lọc từ giáo trình Q: Skills for Success – L/S cấp độ 5 (NXB Oxford). Mỗi bài học tích hợp các kỹ năng Nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho các nhiệm vụ giao tiếp và thuyết trình trong môn học.	Khoa Ngoại ngữ
45	FL225	Nghe - Nói C1.3	2	Môn học này sử dụng chủ đạo các nguồn học liệu trực tuyến bao gồm TED Talks và các đoạn phim ngắn từ Internet và các kênh truyền hình và kênh phim tài liệu trực tuyến. Mỗi bài dạy được tích hợp nguồn dữ liệu từ nhiều nguồn đa dạng, kết hợp giữa nguồn dữ liệu của giáo viên với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ. Chương trình bao gồm 8 chủ đề được chọn lọc (có thể được cập nhật theo từng năm với từng nhóm sinh viên) bao gồm: giáo dục, giới tính, công nghệ, môi trường, nghề nghiệp, triết lý và phong cách sống, sức khỏe, an ninh, quan hệ cá nhân và quốc tế, khủng hoảng kinh tế và chính trị. Tương ứng với mỗi chủ đề, giáo viên sẽ chọn lọc 1 dữ liệu đầu vào (input) là 1 bài thuyết trình. Song song đó, sinh viên (theo nhóm) cũng sẽ chọn lọc 1 bài thuyết trình tương ứng với chủ đề đó và chia sẻ với lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên.	Khoa Ngoại ngữ
46	SP466	Nói trước công chúng	2	Trong học phần này, người học sẽ có cơ hội thực hành và cải thiện kỹ năng nói trước công chúng. Người học cũng sẽ phát triển năng lực tự học thông qua việc đầu tư nghiên cứu để làm các bài thuyết trình nhỏ và bài cuối khóa. Điều quan trọng nhất là khóa học sẽ tạo sự tự tin cho người học và khả năng nói trước đám đông trong những hoàn cảnh khác nhau.	Khoa Ngoại ngữ
47	XH175	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học – Anh văn được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục và ngôn ngữ Anh, từ đó sinh viên có thể tự xác định đề tài nghiên cứu và lập ra kế hoạch nghiên cứu chi tiết. Đây là học phần quan trọng cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học để giúp sinh viên thực hiện tốt học phần Tiểu luận tốt nghiệp và Luận văn tốt nghiệp đại học. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có thể viết được một đề cương nghiên cứu chi tiết cho đề tài do sinh viên tự chọn.	Khoa Ngoại ngữ
48	XH465	Lý thuyết dịch	1	Học phần <i>Lý thuyết dịch</i> gồm có 05 chương. Chương 1 giới thiệu hình thức và ý nghĩa, Chương 2 phân tích các đặc điểm của ngôn ngữ ảnh hưởng đến dịch thuật, hay	Khoa Ngoại ngữ

				<p>các khó khăn trong dịch thuật. Chương 3 đề xuất các thủ thuật điều chỉnh để tìm cấu trúc và từ ngữ tương đương khi dịch các yếu tố liên quan đến ngữ pháp và từ vựng. Chương 4 khái quát tầm quan trọng của việc hiểu rõ ý nghĩa ẩn trong quá trình dịch thuật và các cách thức chuyển đổi ý nghĩa ẩn sang ý nghĩa rõ ràng và ngược lại. Chương 5 giới thiệu khái quát các bước tiến hành trong một Dự án dịch thuật nhằm giúp sinh viên có thể hình dung được cần phải có nhiều nỗ lực và nhiều thời gian mới đảm bảo có một bản dịch tốt trước khi in ấn, phát hành.</p>	
49	XN332	Thực tế ngoài trường – Anh văn	2	<p>Sinh viên tham gia đi tham quan, khảo sát và học tập kiến thức về văn hóa, ngôn ngữ trong quá trình đi thực tế ngoài trường ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; hoặc sinh viên có thể tham gia vào chương trình trao đổi sinh viên/ giao lưu văn hóa ở các nước khác. Thông qua đợt thực tế, sinh viên sẽ được học hỏi thêm các kiến thức về văn hóa xã hội và củng cố lại kiến thức cũng như rèn luyện thêm về các kỹ năng chuyên ngành ngôn ngữ Anh; hình thành định hướng nghề nghiệp và các kỹ năng có liên quan về biên dịch, phiên dịch, hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế và tích lũy kiến thức xã hội, kỹ năng sống để sinh viên có định hướng cũng như không bị bỏ ngỡ khi ra trường. Qua quá trình thực tế, sinh viên có sự gắn kết với hơn với tập thể, môi trường thực tế cũng như hình thành tình yêu thiên nhiên, đất nước và các giá trị đa văn hóa; đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng thích nghi trong các tình huống thực tế đa dạng.</p>	Khoa Ngoại ngữ
50	XN333	Thực tập ngoài trường – Anh văn	1	<p>Sinh viên học tập kinh nghiệm và đi thực tập ở các cơ quan, đơn vị, công ty trên địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long. Thông qua đợt thực tập ngoài trường, sinh viên sẽ được học hỏi và rèn luyện thêm về các kỹ năng cũng như củng cố lại kiến thức chuyên ngành biên phiên dịch và ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế để sinh viên có định hướng cũng như không bị bỏ ngỡ khi ra trường. Sinh viên có cơ hội tiếp xúc với các môi trường làm việc thực tế ở các lĩnh vực mà sinh viên có khả năng làm việc trong tương lai như các công ty dịch thuật, đài truyền hình, cơ quan báo chí, sở Ngoại vụ, cục Hải quan, các dự án, công ty xuất nhập khẩu, các công ty Lữ hành du lịch, khách sạn...</p>	Khoa Ngoại ngữ
51	XH383	Dẫn luận ngôn ngữ	2	<p>Môn học gồm 6 chương. Chương 1 trình bày bản chất ngôn ngữ, các khái niệm chính trong ngôn ngữ và ngôn ngữ học. Chương 2 đề cập tới ngành Ngữ Âm: bản chất âm thanh lời nói. Chương 3 phân tích ngành Âm vị học: hệ thống âm vị trong ngôn ngữ. Chương 4 bàn về ngành Từ pháp học: cấu tạo từ. Chương 5 đề cập tới ngành syntax: cấu tạo câu. Chương 6 trình bày về semantics: ngữ nghĩa ngôn ngữ.</p> <p>Học phần này giúp cho sinh viên nắm được nội dung chính của các ngành cốt yếu trong ngôn ngữ học nhằm</p>	Khoa Ngoại ngữ



				giúp cho sinh viên có cái nhìn sâu hơn về ngôn ngữ và có thể ứng dụng trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.	
52	XH478	Dẫn luận văn chương	1	Học phần Dẫn luận văn chương (Introduction to literature) dành cho sinh viên chuyên ngữ Anh văn năm thứ hai. Học phần này nhằm mục tiêu giới thiệu các kiến thức căn bản cho người học về các thể loại văn học thông dụng. Người học nắm các thuật ngữ và lý thuyết văn học cơ bản. Trên cơ sở đó học viên sẽ phân tích tác phẩm có tư duy phê phán. Ngoài ra học viên cũng được cung cấp thêm các bài viết mẫu.	Khoa Ngoại ngữ
53	XH437	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	Môn học gồm 4 chương. Chương 1 miêu tả tóm tắt vị trí của ngôn ngữ học đối chiếu trong ngôn ngữ học, xác định ngôn ngữ học đối chiếu là một ngành nghiên cứu liên ngôn ngữ - giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ - trong việc học tiếng, giữa ngữ nguồn và ngữ nhận trong lý thuyết dịch thuật. Chương 2 trình bày các phạm trù ngữ pháp được sử dụng trong miêu tả ngôn ngữ để đối chiếu và mẫu ngôn ngữ theo chủ nghĩa cấu trúc dùng trong phân tích thành tố trực tiếp. Chương 3 miêu tả các ứng dụng truyền thống của ngôn ngữ học đối chiếu trong tiên đoán những khó khăn trong việc học tiếng, những lỗi người học mắc phải, thiết lập các bậc thang khó khăn trong học ngoại ngữ, vai trò của việc chẩn đoán lỗi và việc kiểm tra có giá trị cũng như việc thiết kế học phần thỏa được các nguyên tắc sư phạm về chọn lựa và sắp xếp ngữ liệu. Chương 4 nêu hai vấn đề cốt lõi trong việc học ngoại ngữ là phân tích đối chiếu và phân tích lỗi.	Khoa Ngoại ngữ
54	XH536	Ngữ nghĩa và ngữ dụng học	1	Học phần ngữ nghĩa và ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên chuyên ngữ kiến thức chuyên sâu về các vấn đề về ý nghĩa – tầm quan trọng của ý nghĩa trong ngữ cảnh giao tiếp. Môn học nhằm cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản và các bài tập ứng dụng tương ứng. Thông qua các bài tập, người học sẽ có kiến thức nghiên cứu sâu rộng mang tính thực tiễn và tính liên quan của nó đến nhiều lĩnh vực ngôn ngữ khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu và trải nghiệm, học viên sẽ khám phá ra các vấn đề thú vị thông qua nhiều tình huống giao tiếp hiệu quả.	Khoa Ngoại ngữ
55	XH455	Âm vị học	2	Học phần Âm vị học tiếng Anh giúp sinh viên nắm được lý thuyết về Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh từ đó giúp cho sinh viên nắm sâu về âm thanh trong ngôn ngữ Anh nhằm có khả năng nói lưu loát và chính xác như người bản xứ Anh Mỹ . Học phần có 9 chương. Chương 1: giới thiệu chung về môn Âm vị và vị trí môn âm vị học trong ngôn ngữ học. Chương 2 đề cập tới việc phát âm lời nói. Chương 3 tập trung vào ngữ âm học: âm thanh trong ngôn ngữ. Chương 4: lý thuyết và hệ thống âm thanh trong tiếng Anh. Chương 6: âm vị và hệ thống âm vị tiếng Anh. Chương 6, 7, 8 và 9 đề cập về các vấn đề như âm tiết, dấu nhấn, độ cao, nhịp điệu và ngữ điệu tiếng Anh.	Khoa Ngoại ngữ

56	FL212	Giao tiếp liên văn hóa	2	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa xã hội ở các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Từ đó, sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về các đặc trưng văn hóa. Sinh viên có ý thức hơn về yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp để tránh sự hiểu lầm và định kiến trong giao tiếp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có ý thức hơn trong hành vi ứng xử của mình, rèn luyện cách ứng xử để hoàn thiện kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao tiếp trực tiếp và giao tiếp gián tiếp. Sinh viên cũng được yêu cầu thể hiện sự sáng tạo, đam mê trong việc tìm hiểu và trình bày đặc trưng của các nền văn hóa thông qua đề tài văn hóa của nhóm.	Khoa Ngoại ngữ
57	XH540	Phê bình văn học đại cương	2	Môn học này được thiết kế nhằm giới thiệu nhập môn cho sinh viên về lý thuyết phê bình văn học. Môn học bao gồm sáu bài cung cấp cả lý thuyết lẫn bài tập thực hành trên lớp. Học sinh sẽ làm quen với các phương pháp phê bình văn học căn bản như Formalism (New Criticism), Reader-Response Criticism, Marxist Criticism, Feminist Criticism, Psychological Criticism, and Cultural Studies focusing on New Historicism. Sau mỗi bài lý thuyết học sinh sẽ thực hành phân tích tác phẩm được giáo viên chọn lọc từ những nhà văn tiêu biểu trong dòng văn học Anh và văn học Mỹ.	Khoa Ngoại ngữ
58	XH535	Từ pháp và cú pháp học	1	Học phần giúp người học nắm được cơ bản về lý thuyết cấu tạo từ và cấu tạo câu trong ngôn ngữ Anh. Người học biết cách phân tích từ, câu và sử dụng từ và câu tiếng Anh chuẩn xác.	Khoa Ngoại ngữ
59	XH464	Phân tích diễn ngôn	2	Phân Tích Diễn Ngôn nghiên cứu ngôn ngữ được sử dụng trong mọi tình huống và phương thức giao tiếp (trang trọng / thân mật; nói / viết), đặc biệt là nghiên cứu mối quan hệ giữa câu với ngữ cảnh và tình huống. Môn học này giới thiệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>• một số khái niệm cơ bản về mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết.</li> <li>• cấu trúc của các thể loại văn bản và hội thoại.</li> <li>• ứng dụng của phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như: giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, luật, kỹ năng giao tiếp nơi công sở.</li> </ul>	Khoa Ngoại ngữ
60	SG201	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	1	Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của biên giới vật lý càng bị thu hẹp khiến cho giao tiếp trong đời sống trở thành giao tiếp liên văn hoá. Văn hoá giữ một vai trò quan trọng trong giáo tiếp, ứng xử cũng như trong việc dạy và học ngoại ngữ. Vì vậy, am hiểu các phạm trù văn hoá, tầm quan trọng của văn hoá trong giao tiếp và trong dạy và học tiếng Anh cũng như am hiểu văn hoá của các nước, đặc biệt là nền văn hoá các nước nói tiếng Anh sẽ giúp cho việc dạy và học ngoại ngữ cũng như việc giao tiếp thành công hơn. Môn học này giúp sinh viên có thể hiểu được các phạm trù cơ bản về văn hoá cũng như tầm quan trọng của văn hoá trong giao tiếp và trong việc học	Khoa Ngoại ngữ

				ngoại ngữ; từ đó có thể giao tiếp liên văn hóa một cách tự tin và tích hợp yếu tố văn hóa trong giảng dạy tiếng Anh	
61	XH334	Văn học Anh Mỹ	2	Học phần <b>Văn học Anh Mỹ</b> được thiết kế với nỗ lực hỗ trợ sinh viên tiếng Anh EFL thông thạo văn học Anh và Mỹ thông qua việc đọc các văn bản văn học được lựa chọn và xem một số bộ phim. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên nhiều thú vị hơn và môi trường học tập hiệu quả kết hợp một số phương pháp hiện đại để dạy văn học. Khi đọc các văn bản gốc, sinh viên có thể làm quen với các tác giả và văn phong khác nhau. Qua phim ảnh, sinh viên sẽ có thể nắm được nội dung của một số câu chuyện ngắn hoặc tiểu thuyết mà họ không thể đọc toàn bộ tác phẩm. Ngoài ra, họ sẽ được tiếp xúc với loại ngôn ngữ phim mà sau này sẽ giúp họ tiếp thu môn <b>Văn học và Điện Ảnh</b> . Khóa học này cũng ứng dụng lý thuyết phê bình văn học để viết bài đánh giá.	Khoa Ngoại ngữ
62	FL245	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai – Anh văn	1	Học phần này giới thiệu những nguyên lý và nội dung trong chuyên ngành Quá Trình Tiếp Thu Ngôn Ngữ Thứ Hai, bao gồm: con người học / tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai như thế nào, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển này, và đặc điểm tính chất của ngôn ngữ của người học. Đồng thời những nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành này vào việc giảng dạy thực tế cũng sẽ được đề cập đến tạo cơ sở cho người học vận dụng vào giảng dạy và nghiên cứu sau này.	Khoa Ngoại ngữ
63	FL260	Văn học và điện ảnh	2	Học phần <b>Văn học và Điện ảnh</b> được thiết kế nhằm giúp học sinh vận dụng các phương pháp tiếp cận văn học cơ bản để so sánh, phân tích, phê bình các tác phẩm văn học được thể hiện qua ấn bản và phim. Qua khóa học này học sinh sẽ có thể nâng cao được khả năng phân tích, suy nghĩ độc lập và cải thiện được kỹ năng ngôn ngữ. Phương pháp giảng dạy kết hợp việc học qua phương tiện nghe nhìn (Media) và giảng dạy truyền thống bao gồm bài giảng (lectures), bài viết và hỏi đáp (Journal entries & Reading responses) nhằm tăng cường khả năng cảm thụ văn học có chiều sâu và tư duy phê phán.	Khoa Ngoại ngữ
64	FL249	Tiếng Anh kinh doanh	1	Chương trình môn Tiếng Anh kinh doanh cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh doanh, thương mại., tập trung vào các mảng đề tài như các loại hình doanh nghiệp, tiếp thị, giao dịch qua thư điện tử và điện thoại, các thủ tục hành chính, pháp lý, thị trường chứng khoán, bán hàng, hồ sơ xin việc, đơn xin việc và sơ yếu lý lịch. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản. Chương trình còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội trải nghiệm giao tiếp thực tế với người nước ngoài và thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.	Khoa Ngoại ngữ
65	FL248	Tiếng Anh du lịch	2	Chương trình môn Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về du lịch, tập trung vào các mảng đề tài như kiến	Khoa Ngoại ngữ

				thức về các loại hình nghỉ dưỡng, các hoạt động du lịch, hoạt động điều hành du lịch, tổ chức một hoạt động du lịch, ngôn ngữ thực hành hướng dẫn du khách, các phương tiện đi lại, các kỳ nghỉ và lễ hội đặc thù tại Đồng bằng sông Cửu Long và thế giới. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản. Chương trình còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội trải nghiệm giao tiếp thực tế với người nước ngoài và thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.	
66	FL251	Tiếng Anh nhà hàng khách sạn	2	Chương trình môn Tiếng Anh nhà hàng, khách sạn cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về nhà hàng, khách sạn, tập trung vào các mảng đề tài như kiến thức về các loại hình lưu trú, các trang thiết bị trong khách sạn, quy trình nhận, trả khách, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình khách ở. Bên cạnh đó, người học cũng được trang bị kiến thức về nhà hàng, trang thiết bị phục vụ trong nhà hàng, các nhận đặt bàn của khách, cách mô tả về món ăn, giải quyết các vấn đề phát sinh trong bữa ăn và thanh toán sau cùng. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản. Chương trình còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội trải nghiệm giao tiếp thực tế với người nước ngoài và thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.	Khoa Ngoại ngữ
67	FL250	Tiếng Anh marketing	1	Chương trình môn Tiếng Anh kinh doanh cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về tiếp thị, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu tiếp thị và quảng cáo, tìm kiếm khách hàng, lập kế hoạch, chiến lược tiếp thị, tạo quảng cáo, công cụ tiếp thị, thuyết trình sản phẩm, quan hệ công chúng, tiếp thị thông qua hội chợ thương mại. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản. Chương trình còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội trải nghiệm giao tiếp thực tế với người nước ngoài và thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.	Khoa Ngoại ngữ
68	FL252	Tiếng Anh thư tín thương mại và văn phòng	3	Chương trình môn Tiếng Anh kinh doanh cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về các loại hình thư tín thương mại, các quy tắc cơ bản của việc tạo ra thư tín thương mại, viết báo cáo và một biên bản trong các cuộc họp, khai thuế, thống kê số liệu, phong cách và từ viết tắt trong giao dịch thư từ công việc, truyền thông nội bộ doanh nghiệp, tài liệu xác nhận mua bán, phân tích hóa đơn, hóa đơn và tài khoản ngân hàng, thư tín pháp lý.. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản. Chương trình còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội trải nghiệm giao tiếp thực tế với	Khoa Ngoại ngữ

				người nước ngoài và thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.	
69	XH499	Luận văn tốt nghiệp	1	Luận văn tốt nghiệp là học phần tự chọn thay thế tốt nghiệp, qua đó sinh viên thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và dịch thuật tiếng Anh.	Khoa Ngoại ngữ
70	XH498	Tiểu luận tốt nghiệp	3	Học phần tiểu luận tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thể loại tiểu luận phù hợp.	Khoa Ngoại ngữ
71	FL259	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	1	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh và các kỹ thuật quản lý lớp học trong dạy học tiếng Anh. Người học có thể phân tích và đánh giá các phương pháp giảng dạy khác nhau; có khả năng ứng dụng các kiến thức đã được học để lập kế hoạch, thiết kế giáo án và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với môi trường và tài liệu giảng dạy đang được sử dụng.	Khoa Ngoại ngữ
72	FL247	Tiếng Anh định hướng nghề nghiệp	1	Học phần <b>Tiếng Anh định hướng nghề nghiệp</b> gồm 05 chương. Bốn chương đầu giới thiệu rất nhiều ngành nghề phù hợp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh sau khi ra trường có thể xin tuyển dụng; hướng dẫn sinh viên linh hoạt trong khi thiết kế lý lịch, thư xin việc để phù hợp với từng vị trí công việc đang ứng tuyển; và biết các loại hình phỏng vấn hiện nay của các công ty, đơn vị, biết các bước chuẩn bị và cách trả lời đầy đủ, đúng mục tiêu đối với các loại câu hỏi phỏng vấn nhằm tạo ưu thế cạnh tranh khi xin tuyển dụng. Chương 5 sẽ cung cấp cho sinh viên tầm quan trọng và các chiến lược quản lý thời gian hiệu quả nhằm giúp sinh viên có thể cân bằng tốt công việc và cuộc sống sau khi ra trường và phát triển sự nghiệp. Học phần sẽ giúp sinh viên tự nâng cao ý thức tự rèn luyện, xác định những kỹ năng nào cần bổ sung, trau dồi để đảm bảo là nguồn nhân lực vừa hồng vừa chuyên cho xã hội trong thế kỷ 21.	Khoa Ngoại ngữ
73	XN320	Biên dịch kỹ thuật	2	Học phần Biên dịch Kỹ thuật tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và nắm bắt lý thuyết dịch các văn bản khoa học, những vấn đề cần đặc biệt chú ý khi dịch các văn bản khoa học nói chung và kỹ thuật nói riêng. Học phần này rèn luyện khả năng phân tích, biến đổi cấu trúc, xử lý từ vựng chuyên ngành. Đồng thời, học phần tạo điều kiện cho sinh viên luyện dịch một số nội dung then chốt trong kỹ thuật thông qua nhiều bài thực hành phong phú, từ đó từng bước rèn luyện kỹ năng dịch các văn bản kỹ thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng so sánh bản dịch sẵn có và bản dịch do mình thực hiện nhằm hoàn thiện một văn bản dịch đạt yêu cầu sử dụng trong thực tế. Học phần có giá trị chuẩn bị cho	Khoa Ngoại ngữ

				sinh viên ứng dụng vào việc dịch thực tiễn sau khi ra trường, có khả năng nhận dịch các tài liệu kỹ thuật.	
74	XN321	Biên dịch báo chí	2	<p>Học phần này sẽ cung cấp cho người học cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn dịch thuật những bài báo. Người học cũng thực hiện những project dịch thuật; từ đó họ có thể có được những kỹ năng và trải nghiệm trong công tác dịch thuật. Thêm vào đó, người học cũng có thể trao đổi kỹ năng ngôn ngữ cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh, nhất là trong một số lĩnh vực chuyên môn mà họ có thể ứng dụng cho nghề nghiệp tương lai của mình.</p> <p>Sinh viên biết vận dụng những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, văn hóa để dịch Việt – Anh và Anh – Việt các bài với các chủ đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời sự quốc tế</li> <li>- Sự kiện kinh tế tài chính đầu tư</li> <li>- Sự kiện khoa học kỹ thuật</li> <li>- Sự kiện văn hóa xã hội</li> <li>- Sự kiện thể thao</li> </ul>	Khoa Ngoại ngữ
75	FL202	Biên dịch văn học điện ảnh	2	<p>Học phần Biên dịch Văn học và Điện ảnh tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng biên dịch nâng cao Anh - Việt và Việt – Anh, được thiết kế theo định hướng thực hành, sử dụng tài liệu có ngữ liệu trung cấp bao gồm văn xuôi, văn vần và phụ đề phim. Học phần trang bị cho sinh viên những cơ hội vận dụng lý thuyết về dịch văn chương và dịch phụ đề, giúp sinh viên khám phá ra thế mạnh của bản thân, hình thành lòng yêu nghề và phẩm chất của biên dịch viên. Sinh viên cần thực hiện những project dịch thuật cá nhân và nhóm ngoài giờ học trên lớp; phát huy khả năng tự học, so sánh đối chiếu các bản dịch thực tế. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hiện biên dịch thể loại văn chương và điện ảnh có ngữ liệu cấp độ trung cấp Anh – Việt; Việt Anh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mẫu truyện ngụ ngôn</li> <li>- Các bài thơ của những nhà văn Anh_Mỹ_Việt Nam</li> <li>- Những câu chuyện văn học cổ điển và đương đại</li> <li>- Các dạng bài nonfiction (phi hư cấu): bài diễn văn, bức thư nổi tiếng, nhật ký, ký sự...</li> <li>- Lời bài hát</li> <li>- Phụ đề phim truyện</li> <li>- Phụ đề phim thời sự</li> </ul>	Khoa Ngoại ngữ

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

### 5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học

phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

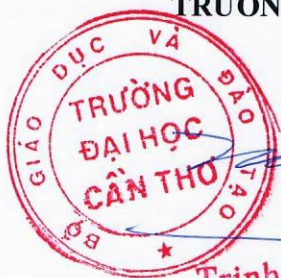
#### 6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**



**Trịnh Quốc Lập**

**Phượng Hoàng Yến**